

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ theo điểm a và điểm d khoản 1 Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ theo điểm a và điểm d khoản 1 Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

b) Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 2024 khi Nhà nước thu hồi đất; các cơ quan có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các nhà đầu tư sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng khi tính tiền bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng khác, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng đó là: 80%.

Điều 3. Bồi thường đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì được bồi thường theo giá trị bị thiệt hại thực tế. Giá trị thiệt hại do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kiểm tra xác định và tổng hợp vào phương án bồi thường trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

Điều 4. Mức bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp. Mức bồi thường bằng 100% giá trị xây mới của phần tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tính theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 5. Mức hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời đối với phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP

Đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn thì chủ sở hữu tài sản không được bồi thường mà được hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời bằng 50% đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với dự án, hạng mục dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

2. Đối với các dự án đang lập phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác (chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án) thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế: Bộ Xây dựng, Bộ TN&MT;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Xây dựng;
- LĐVP;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Các phòng NCTH;
- Lưu VT, Hòa (NCPC).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình